

Số: /BKHCN-CNC

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các hiệp hội doanh nghiệp trung ương và địa phương.

Ngày 17/4/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết 50). Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 50 với mục đích, yêu cầu và nội dung cụ thể như sau:

1. Mục đích

- Làm rõ tình hình thực hiện và kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết 50 để kịp thời đề xuất, kiến nghị các giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết 50 trong thời gian tới.

- Phát hiện các vấn đề nổi lên đang là điểm nghẽn cần tháo gỡ; các mô hình mới, cách làm hay trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết 50 để nhân rộng trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng Báo cáo phải đảm bảo khách quan, khoa học; huy động sự tham gia của các cơ quan liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học; phải thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, các nội dung xem xét, đánh giá dựa trên căn cứ, cơ sở thực tiễn và bằng chứng số liệu, báo cáo có liên quan; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và các nhiệm vụ cụ thể được quy định tại Nghị quyết 50, kế hoạch, chương trình hành động của các cơ quan, tổ chức đã ban hành.

3. Nội dung báo cáo

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội doanh nghiệp trung ương và địa phương xây dựng Báo cáo theo Đề

cương (gửi kèm theo), nội dung tập trung phân tích, đánh giá làm rõ các điểm nổi bật trong năm 2024 về:

Công tác chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến và quán triệt tinh thần và nội dung của Nghị quyết 50.

- Tình hình thể chế hóa thực hiện Nghị quyết 50 theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành, địa phương và tổ chức; những tồn tại, hạn chế, các khó khăn vướng mắc và nguyên nhân trong triển khai thực hiện các quy định đã được ban hành.

- Đánh giá kết quả tổ chức triển khai thực hiện các quan điểm, mục tiêu và 07 định hướng chiến lược chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, gắn với đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được giao trong Nghị quyết 50 (nêu rõ các kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân).

- Chia sẻ các mô hình mới, cách làm hay trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 50.

- Nhận diện bối cảnh mới và các đề xuất, kiến nghị tiếp tục thực hiện Nghị quyết 50 giai đoạn từ nay đến năm 2030.

Bộ KH&CN đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp trung ương và địa phương báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết 50. Văn bản báo cáo của Quý cơ quan đề nghị gửi về Bộ KH&CN **trước ngày 10/12/2024** để tổng hợp báo cáo Chính phủ (*bản word xin gửi về Bộ KH&CN qua địa chỉ email: nhlong@most.gov.vn*). Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Hoàng Long, chuyên viên Vụ Công nghệ cao; điện thoại: 0902.098.846.

Trân trọng./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Thế Duy;
- Lưu: VT, CNC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Thế Duy

Phụ lục 1

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 50/NQ-CP NGÀY 17/4/2020 VÀ CHỈ THỊ SỐ 16/CT-TTG NGÀY 04/5/2017 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo công văn số /BKHCN-CNC ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 50

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tiễn của cơ quan, bộ, ngành, địa phương; bám sát các các mục tiêu, quan điểm, phương hướng và nhiệm vụ trong Nghị quyết 50, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Kết quả quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 50

- Việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết (hình thức phổ biến, quán triệt; đối tượng tham gia học tập, quán triệt; tình hình nhận thức của cán bộ, đảng viên về các nội dung của Nghị quyết 50);

- Việc xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết 50 (nêu rõ số lượng văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch...).

2. Kết quả thực hiện mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ tại Nghị quyết 50

Ngoài việc báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các đề án, nhiệm vụ trọng tâm được giao tại Nghị quyết 50, đề nghị nghiên cứu, báo cáo một số chủ đề chính như sau:

2.1. Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia:

- Việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các mô hình và hoạt động kinh tế mới dựa trên các nền tảng như kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo; tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các mô hình, hoạt động kinh tế mới và kinh tế truyền thống.

- Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho việc tạo dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong nước; thúc đẩy thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

- Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo; hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích

thương mại hoá và chuyên giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với các sáng chế tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia.

- Hệ thống văn bản, quy định về phát triển đô thị thông minh bền vững; hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hệ thống hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của đô thị thông minh; về kiểm soát ô nhiễm môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, các chỉ tiêu cụ thể cho đánh giá công nghệ xử lý chất thải...

2.2. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư:

- Việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, bao gồm hạ tầng năng lượng và giao thông.

- Triển khai phát triển internet băng rộng chất lượng cao; việc khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số.

- Đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản ở các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu kết hợp phát triển các doanh nghiệp công nghệ.

- Phát triển hạ tầng thanh toán số quốc gia theo hướng đồng bộ, thống nhất, dùng chung nhằm tiết giảm đầu mối và chi phí kết nối để cung ứng dịch vụ thanh toán cho người dân với chi phí hợp lý.

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng; hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chuyển đổi số, hạ tầng, an ninh mạng.

- Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về an ninh mạng, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và quản trị dữ liệu.

2.3. Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia

- Việc tái cơ cấu hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ; Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, dịch vụ phục vụ việc tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ; lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo hướng tạo sự chủ động và thuận lợi tối đa cho chuyên gia công nghệ, nghiên cứu và phát triển.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Việc đào tạo kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho người dân; công tác truyền thông, nâng cao nhận thức trong cộng đồng. Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi.

- Liên kết các cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài để tạo điều kiện cho người Việt Nam tham gia nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ đáp ứng các yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Xây dựng và phát triển các mạng lưới tri thức, nhân tài về các công nghệ chủ chốt của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.5. Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên

- Chính sách tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn thông tin, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo.

- Việc triển khai, xây dựng chính phủ điện tử/số, xây dựng đô thị thông minh; sản xuất thông minh...

2.6. Chính sách hội nhập quốc tế

- Tình hình thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo.

- Kết quả xúc tiến, kết nối các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước với tổ chức nghiên cứu, tập đoàn công nghệ nước ngoài có uy tín; vận động, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và đầu tư nước ngoài gắn với công nghệ cao.

2.7. Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Việc xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số; việc thu thập, quản lý dữ liệu và giao dịch trên nền tảng Internet ở các cơ quan nhà nước.

3. Đánh giá

3.1. Đánh giá khái quát tình hình thực hiện Nghị quyết số năm 2024.

3.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và giải pháp khắc phục.

3.3. Những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 50

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Phụ lục 2

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO TẠI PHỤ LỤC KÈM THEO NGHỊ QUYẾT
50/NQ-CP NGÀY 17/4/2020**

(Kèm theo công văn số /BKHCN-CNC ngày tháng 11 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả và tiến độ hiện tại	Cấp trình	Thời gian¹ hoàn thành	Thời gian đề xuất điều chỉnh (nếu có)
I	Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội					
1	Chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW	Bộ Thông tin và Truyền Thông		Bộ trưởng	2020-2021	
II	Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia					

¹ Thời hạn hoàn thành được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả và tiến độ hiện tại	Cấp trình	Thời gian ¹ hoàn thành	Thời gian đề xuất điều chỉnh (nếu có)
1.	Hoàn thiện khung pháp luật về tài sản, hợp đồng, quyền sở hữu và vấn đề khác có liên quan của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Tư pháp		Chính phủ	2020-2021	
2.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao dịch điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông		Quốc hội	2022	
3.	Đề án xây dựng cơ chế đặt hàng sản xuất và mua sắm công của Nhà nước đối với các sản phẩm công nghệ số do Việt Nam sản xuất	Bộ Tài chính		Thủ tướng Chính phủ	2021	
4.	Chiến lược về công nghiệp an toàn, an ninh mạng hướng tới làm chủ công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất nhằm từng bước thay thế các giải pháp nước ngoài, tạo cơ sở vững chắc cho hạ tầng cho chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Thông tin và Truyền thông		Thủ tướng Chính phủ	2021	
5.	Đề án “Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội		Thủ tướng Chính phủ	2020-2021	

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả và tiến độ hiện tại	Cấp trình	Thời gian ¹ hoàn thành	Thời gian đề xuất điều chỉnh (nếu có)
6.	Đề án thí điểm một số cơ chế đặc thù trong quá trình triển khai thí điểm phát triển đô thị thông minh đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư phát triển đô thị thông minh	Bộ Xây dựng		Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025	
III	Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu					
1.	Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Thủ tướng Chính phủ	2020	
2.	Đề án chuyển đổi số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông		Thủ tướng Chính phủ	2020	
3.	Đề án khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông		Thủ tướng Chính phủ	2020-2021	

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả và tiến độ hiện tại	Cấp trình	Thời gian ¹ hoàn thành	Thời gian đề xuất điều chỉnh (nếu có)
4.	Đề án hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ số phục vụ cho chuyển đổi số và kinh tế số	Bộ Thông tin và Truyền thông		Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2022	
5.	Đề án quy hoạch phát triển hạ tầng thanh toán số quốc gia; hoàn thiện, xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý giám sát các hình thức thanh toán trực tuyến qua biên giới	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Thủ tướng Chính phủ	2020-2021	
6.	Đề án nâng cấp, đảm bảo an ninh năng lượng các ngành, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Công Thương		Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2022	
7.	Đề án xây dựng và quản lý khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Giao thông vận tải		Thủ tướng Chính phủ	2020-2021	
IV	Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia					

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả và tiến độ hiện tại	Cấp trình	Thời gian ¹ hoàn thành	Thời gian đề xuất điều chỉnh (nếu có)
1.	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	Bộ Khoa học và Công nghệ		Thủ tướng Chính phủ	2020	
2.	Đề án quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2050	Bộ Khoa học và Công nghệ		Thủ tướng Chính phủ	2021	
3.	Nghiên cứu, xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 về ban hành Quy chế Khu công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ		Chính phủ	2020	
4.	Nghiên cứu, xây dựng Danh mục các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Khoa học và Công nghệ		Thủ tướng Chính phủ	2020	
V	Chính sách phát triển nguồn nhân lực					
1.	Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0	Bộ Giáo dục và Đào tạo		Thủ tướng	2023	

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả và tiến độ hiện tại	Cấp trình	Thời gian ¹ hoàn thành	Thời gian đề xuất điều chỉnh (nếu có)
				Chính phủ		
2.	Sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển nhân lực quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo		Thủ tướng Chính phủ	2020	
3.	Đề án chuyên đổi nghề và đào tạo kỹ năng số cho người lao động	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội		Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2022	
VI	Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên					
1.	Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, hướng tới cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Thông tin và Truyền thông		Thủ tướng Chính phủ	2020	
2.	Đề án hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 và phát triển sản xuất thông minh giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Công Thương		Thủ tướng Chính phủ	2020-2021	

TT	Tên đề án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả và tiến độ hiện tại	Cấp trình	Thời gian ¹ hoàn thành	Thời gian đề xuất điều chỉnh (nếu có)
VII	Chính sách hội nhập quốc tế					
1.	Đề án hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao tiêu chuẩn công nghệ, khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI; các doanh nghiệp hoạt động dựa trên các nền tảng cung cấp dịch vụ xuyên quốc gia, quy định pháp luật về đầu tư mạo hiểm có vốn nước ngoài	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Thủ tướng Chính phủ	2020	
VIII	Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội					
1.	Đề án chuẩn hóa và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ Nội vụ		Thủ tướng Chính phủ	2021	

DANH SÁCH CÁC HIỆP HỘI, NGÀNH HÀNG
ĐỀ NGHỊ GỬI CÔNG VĂN YÊU CẦU NỘI DUNG BÁO CÁO NGHỊ QUYẾT 50

<p>Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) Địa chỉ: số 9, đường Đào Duy Anh, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội</p>	<p>Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo Địa chỉ: Lầu 2, số 02-04 Alexandre de Rhodes, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.</p>
<p>Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam Địa chỉ: Tầng 18, tòa nhà Ladeco, số 266 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.</p>	<p>Hiệp hội DNNW ngành nghề nông thôn (VARISME) Địa chỉ: số nhà 12, ngõ 81, đường Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.</p>
<p>Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME) Địa chỉ: Tầng 10, Nhà D, Khách sạn Thể thao Hacinco, 15 Lê Văn Thiêm, quận Thanh Xuân, Hà Nội.</p>	<p>Hiệp Hội doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA)‘ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà INFISCO, số 9 phố Nguyễn Hồng, quận Ba Đình, Hà Nội.</p>
<p>Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội Địa chỉ: Tầng 2 - Tầng 3, số 119 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.</p>	<p>Hiệp hội các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp Địa chỉ: số 8B, ngõ 603 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội.</p>
<p>Hiệp hội Internet Việt Nam Địa chỉ: Tầng 4, IC Building, 82 Phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, quận cầu Giấy, Hà Nội.</p>	<p>Hiệp hội cơ khí - điện Thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: Số 310A, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.</p>
<p>Hội truyền thông số Việt Nam Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Báo Nông thôn Ngày nay, ngõ 68 Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, quận cầu Giấy, Hà Nội.</p>	<p>Hội Khoa học kinh tế Nông nghiệp Việt Nam Địa chỉ: Tầng 9, số 31 Phố Chùa Láng, quận Đống Đa, Hà Nội.</p>
<p>Hiệp hội bán lẻ Việt Nam Địa chỉ: P309 -310 nhà E1, Khu Ngoại giao đoàn Trung Tự, số 6 Đặng Văn Ngữ, quận Đống Đa, Hà Nội.</p>	<p>Hiệp hội Năng lượng Sạch Việt Nam (VCEA) Địa chỉ: Viện Năng lượng, số 6, Tôn Thất Tùng, Hà Nội.</p>
<p>Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam Địa chỉ: số 193 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.</p>	<p>Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) Địa chỉ: Tầng 3, số 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.</p>
<p>Hiệp hội Năng lượng Việt Nam (VEA)</p>	<p>Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS)</p>

Địa chỉ: Phòng 210, Nhà G3B, Khu Tập thể Thành Công, phố Nguyễn Hồng, quận Ba Đình, Hà Nội.	Địa chỉ: Tầng 15, Khu VP tòa nhà C1 Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.
Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Vusta) Địa chỉ: Lô D20, Khu Đô thị mới cầu Giấy, ngõ 19, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Cung Trí thức thành phố, 01 Tôn Thất Thuyết, cầu Giấy, Hà Nội.
Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà viện nghiên cứu cơ khí, số 20 An Trạch, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.	Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam Địa chỉ: số 160 Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội.
Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam Địa chỉ: Tầng 5 toà nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.	Hiệp hội Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh (HUBA) Địa chỉ: số 22. đường Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Hiệp hội doanh nghiệp điện tử Việt Nam (VEIA) Địa chỉ: Tầng 11, TòanhàMIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.	Hiệp hội nhựa Việt Nam Địa chỉ: số 156 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VUCOIVI) Địa chỉ: Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà HKC, số 285, phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội.	